

TỈNH ỦY THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG CHÍNH TRỊ

*

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Thái Nguyên, ngày 02 tháng 01 năm 2020

ĐIỂM THI

PHẦN I.1: NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN CỦA CHỦ NGHĨA MÁC - LÊNIN
LỚP TCLLCT-HC HỆ TẬP TRUNG KHÓA 41, TẠI TRƯỜNG

STT	Họ và tên	Số BD	Số phách	Điểm thi	Bảng chữ	Ghi chú
1	Vũ Nguyệt Anh	1	04	7.0	Bảy	
2	Vũ Đình Bằng	2	53	7.0	Bảy	
3	Nguyễn Thị Biên	3	07	7.0	Bảy	
4	Hầu Thị Minh Chi	4	31	7.0	Bảy	
5	Nguyễn Thị Chuyên	5	17	7.0	Bảy	
6	Nguyễn Mạnh Cường	6	70	7.5	Bảy rưỡi	
7	Dương Văn Dân	7	68	7.0	Bảy	
8	Dương Văn Đoàn	8	69	7.5	Bảy rưỡi	
9	Nguyễn Thị Giang	9	43	7.5	Bảy rưỡi	
10	Nguyễn Thị Hà	10	63	7.0	Bảy	
11	Dương Văn Hải	11	19	7.0	Bảy	
12	Nguyễn Văn Hải	12	30	7.0	Bảy	
13	Nguyễn Thị Hoa	13	41	7.5	Bảy rưỡi	
14	Lương Văn Hoan	15	34	7.0	Bảy	
15	Nguyễn Viết Hoan	16	37	7.0	Bảy	
16	Ma Doãn Hội	17	67	7.0	Bảy	
17	Vũ Văn Hội	18	56	7.5	Bảy rưỡi	
18	Nông Thị Huệ	19	48	7.0	Bảy	
19	Triệu Kim Huệ	20	20	7.5	Bảy rưỡi	
20	Trương Thế Hưng	21	05	7.0	Bảy	
21	Dương Thu Hương	22	38	7.5	Bảy rưỡi	
22	Đỗ Thị Lan Hương	23	65	7.5	Bảy rưỡi	



STT	Họ và tên	Số BD	Số phách	Điểm thi	Bảng chữ	Ghi chú
23	Hoàng Thị Hương	24	13	8.0	Tám	
24	Trần Thị Lan Hương	25	11	7.5	Bảy rưỡi	
25	Đoàn Đình Khánh	26	10	7.5	Bảy rưỡi	
26	Nguyễn Trọng Khánh	27	16	7.5	Bảy rưỡi	
27	Lưu Phong Lan	28	21	7.0	Bảy	
28	Lương Thị Thu Lịch	29	49	7.5	Bảy rưỡi	
29	Hoàng Thanh Liêm	30	54	7.0	Bảy	
30	Lê Thị Liễu	31	40	7.5	Bảy rưỡi	
31	Nguyễn Văn Linh	32	33	7.5	Bảy rưỡi	
32	Nguyễn Xuân Linh	33	24	7.0	Bảy	
33	Ngô Tuấn Long	34	45	7.5	Bảy rưỡi	
34	Nguyễn Văn Mạnh	35	46	7.5	Bảy rưỡi	
35	Nguyễn Thị Ngân	36	25	7.0	Bảy	
36	Đặng Thị Ngọc	37	18	7.0	Bảy	
37	Lương Văn Ngọc	38	15	7.0	Bảy	
38	Nguyễn Công Nguyên	39	36	7.0	Bảy	
39	Dương Thị Nguyệt	40	47	7.0	Bảy	
40	Phạm Thị Nguyệt	41	61	8.0	Tám	
41	Chu An Ninh	42	26	8.0	Tám	
42	Đào Thanh Phương	43	23	7.5	Bảy rưỡi	
43	Nguyễn Thanh Phương	44	64	7.0	Bảy	
44	Nguyễn Vũ Quang	45	28	7.5	Bảy rưỡi	
45	Nguyễn Văn Quảng	46	62	7.5	Bảy rưỡi	
46	Bùi Thị Lệ Quyên	48	35	8.0	Tám	
47	Nguyễn Minh Thái	49	66	7.5	Bảy rưỡi	
48	Nguyễn Thị Thái	50	-	-	-	Vắng thi
49	Đào Văn Thiết	51	55	7.0	Bảy	
50	Trần Tiến Thịnh	52	22	8.0	Tám	
51	Lã Thị Thơm	53	12	7.5	Bảy rưỡi	
52	Trần Thị Bằng Thương	54	60	7.0	Bảy	

STT	Họ và tên	Số BD	Số phách	Điểm thi	Bằng chữ	Ghi chú
53	Ngô Thị Thúy	55	14	7.0	Bảy	
54	Lường Trọng Trách	56	42	7.0	Bảy	
55	Lưu Văn Trình	57	59	7.5	Bảy rưỡi	
56	Ma văn Trọng	58	09	7.0	Bảy	
57	Tạ Thị Tú	59	03	7.0	Bảy	
58	Mai Anh Tuấn	60	51	7.0	Bảy	
59	Lê Thị Ái Tuấn	61	39	7.5	Bảy rưỡi	
60	Ma Thanh Tuấn	62	52	7.0	Bảy	
61	Mai Đình Tuấn	63	08	8.0	Tám	
62	Nguyễn Đức Tùng	64	50	7.0	Bảy	
63	Nguyễn Thị Tươi	65	57	7.5	Bảy rưỡi	
64	Dương Văn Tuyển	66	29	7.0	Bảy	
65	Dương Đức Vũ	67	44	7.0	Bảy	
66	Đào Văn Vững	68	06	7.5	Bảy rưỡi	
67	Ma Thị Xuyên	69	58	7.0	Bảy	
68	Ôn Thị Mỹ Linh	70	02	7.5	Bảy rưỡi	Phần I.1-K47A KTT
69	Tạ Tuấn Anh	71	01	7.0	Bảy	Phần I-CVK8 Đại Từ
70	Lê Ngọc Hoa	14	32	7.5	Bảy rưỡi	
71	Trần Hải Quân	47	27	7.0	Bảy	

**PHÒNG QLĐT&NCKH
TRƯỞNG PHÒNG**



Nguyễn Phúc Ái

**KHOA LLCS
TRƯỞNG KHOA**



Vũ Mạnh Hà

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



Phạm Minh Chuyên